TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **979**/2024/QĐST- HNGĐ	*Đống Đa, ngày 31 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA

Căn cứ Điều 149, Điều 212, Điều 213; Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 921/2024/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Chị Mai Thị S, sinh năm 1985;

Căn cước công dân 036185000xxx.

Đăng ký thường trú: Số A ngõ D H, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội;

- Anh Trịnh Quang H, sinh năm 1981;

Căn cước công dân 001081005xxx.

Đăng ký thường trú: Số A ngõ D H, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tình cảm: Anh Trịnh Quang H và chị Mai Thị S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ô, quận Đ, Hà Nội, ngày 08/8/2008 (số 157/2008, quyển số 01).

Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, cuộc sống chung không có hạnh phúc.

Anh H, chị S đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, thống nhất cùng đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Con chung: Anh H, chị S có 02 con chung là Trịnh Mai A (nữ), sinh ngày 15/01/2009; Trịnh Duy A1 (nam), sinh ngày 23/6/2015. Anh H, chị S thống nhất: Ly hôn, anh H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, chị S cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.000.000 đồng/tháng.

[3] Tài sản chung (động sản, bất động sản): Anh H, chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nợ chung: Anh H, chị S xác nhận không có.

[5] Lệ phí: Anh H, chị S thống nhất để chị S chịu toàn bộ lệ phí ly hôn.

Xét thấy: Sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về nội dung hòa giải đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa **anh Trịnh Quang H và chị Mai Thị S**.

2. Con chung: Xác nhận anh H, chị S có 02 con chung là Trịnh Mai A (nữ), sinh ngày 15/01/2009; Trịnh Duy A1 (nam), sinh ngày 23/6/2015. Giao cả hai con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị S cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng/tháng/con); Việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 11/2024 cho đến khi cháu Mai A, cháu Duy A1 đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Chị S có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh H, chị S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Nợ chung: Anh H, chị S đều xác nhận không có, nên không xét.

5. Lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự để chị S chịu toàn bộ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp trực tuyến theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 2048693 ngày 21/10/2024 (mã tham chiếu G22.99.7-241021843441, mã cơ quan thu: 006.01.13.G15).

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- Đương sự;
- VKSND quận Đống Đa;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Đống Đa;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thu Hà